

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 50/2023/DS-ST

Ngày: 24/8/2023

V/v Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Ông Nguyễn Thế Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: ông Dương Minh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định Hoàn phiên tòa số 43/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nghiêm Đình K, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền: bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân thị trấn K chứng thực ngày 21/01/2023): có mặt.

- Bị đơn: ông Đào Đình S. Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Nguyễn Thị H. Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2).

- Người làm chứng: ông Nguyễn Văn C. Nơi cư trú: tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H trình bày:

Ngày 06/11/2019, ông Đào Đình S có vay của ông Nghiêm Đình K số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 06/12/2019, mục đích vay là để đầu tư làm ăn kinh tế và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Ông S là người viết giấy vay tiền và ký ghi họ tên dưới phần người vay. Về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1,6%/ tháng. Đến thời hạn trả nợ và đến nay, mặc dù nhiều lần ông K yêu cầu nhưng ông Đào Đình S chưa thanh toán được khoản tiền vay và tiền lãi nào.

Như vậy, hiện nay ông Đào Đình S còn nợ ông K số tiền vay là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ thời điểm vay đến nay.

Trong giấy vay không có chữ ký của bà Nguyễn Thị H (vợ ông S) nhưng đây là khoản vay để đầu tư kinh doanh và sinh hoạt trong gia đình nên bà H biết rõ việc ông S vay tiền của ông K.

Vì vậy, yêu cầu ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nghiêm Đình K số tiền vay là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 06/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/8/2023) với mức lãi suất thỏa thuận là 1,6%/ tháng.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2023, bị đơn ông Đào Đình S trình bày: Thừa nhận vào ngày 06/11/2019, tôi và vợ là Nguyễn Thị H có vay của ông Nghiêm Đình K số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), mục đích vay là để đầu tư làm ăn kinh tế, hai bên thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 06/12/2019, có viết giấy vay tiền và tôi ký ghi họ tên dưới phần người vay. Về lãi suất: hai bên thỏa thuận miệng với mức lãi suất là 1,6%/ tháng. Kể từ thời điểm vay đến nay, do kinh tế khó khăn nên tôi chưa trả cho ông K khoản tiền vay và tiền lãi nào.

Nguyện vọng: chấp nhận trả cho ông K số tiền vay còn nợ 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi đến nay theo lãi suất thỏa thuận.

- Tại bản tự khai ngày 27/02/2023, người làm chứng ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào ngày 06/11/2019, ông Đào Đình S có vay của ông Nghiêm Đình K số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng mức lãi suất là 1,6%/ tháng. Thời hạn vay là 01 (một) tháng, mục đích vay tiền để đầu tư làm ăn và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, các bên có xác lập giấy vay tiền, ông Đào Đình S ký ghi họ tên dưới phần người vay, còn tôi ký và ghi họ tên dưới phần người chứng kiến.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị H, bao gồm cả bị đơn ông Đào Đình S đều vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nghiêm Đình K số tiền là 347.520.000^d (ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: số tiền vay là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 06/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 147.520.000^d (một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

- Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Đào Đình S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đã được toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2, nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước toà. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Đào Đình S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Xét giao dịch giữa ông Nghiêm Đình K và ông Đào Đình S về việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp đồng vay tài sản có hiệu lực nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Do đến thời hạn trả nợ, ông Đào Đình S không thực hiện nghĩa vụ như cam kết nên ông Nghiêm Đình K khởi kiện và Toà án thụ lý giải quyết, phù hợp khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của ông Nghiêm Đình K buộc ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền vay là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn ông Đào Đình S, thừa nhận ngày 06/11/2019, ông S và vợ là Nguyễn Thị H có vay của ông Nghiêm Đình K số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 06/12/2019, có viết giấy vay tiền và ông S ký ghi họ tên dưới phần người vay. Kể từ thời điểm vay đến nay, ông S chưa trả cho ông K khoản tiền vay nào nên nguyện vọng chấp nhận

trả số tiền vay này cho ông K. Xét lời khai của ông S phù hợp với giấy vay tiền ghi ngày 06/11/2019 (BL 44) do nguyên đơn cung cấp lưu hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của phía nguyên đơn và người làm chứng.

Mặc dù, trong giấy vay tiền chỉ thể hiện ông Đào Đình S là người trực tiếp giao dịch vay tiền của ông Nghiêm Đình K. Tuy nhiên, mục đích vay tiền để đầu tư làm ăn kinh tế và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Do đó, ông S thừa nhận là khoản vay của ông và vợ là bà Nguyễn Thị H, phù hợp với lời khai của phía nguyên đơn.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: hiện nay ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H còn nợ ông Nghiêm Đình K số tiền vay là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng).

Do đó, xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nghiêm Đình K số tiền vay là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2] Về tiền lãi: Trong giấy vay tiền không ghi việc thỏa thuận tiền lãi, nhưng nguyên đơn và bị đơn ông Đào Đình S, đều xác định các bên thỏa thuận miệng với mức lãi suất là 1,6%/ tháng. Kể từ thời vay đến nay vợ chồng ông S chưa thanh toán được khoản tiền lãi nào.

Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải trả tiền lãi từ thời điểm vay ngày 06/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/8/2023) với mức lãi suất 1,6%/ tháng là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 06/11/2019 đến ngày 24/8/2023 là 1.383 ngày = $(200.000.000^d \times 1,6\% / \text{tháng} \times 1.383 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 147.520.000^d$.

[3] Như vậy, tổng tiền vay và tiền lãi mà ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nghiêm Đình K là 347.520.000^d (ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: tiền vay là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 147.520.000^d (một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải chịu 17.376.000^d (mười bảy triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26, điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 27 Luật Hôn

nhân gia đình; khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nghiêm Đình K số tiền là 347.520.000^d (ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: tiền vay là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 147.520.000^d (một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 25/8/2023 đến khi thi hành án xong, ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H còn phải trả cho nguyên đơn ông Nghiêm Đình K khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: ông Đào Đình S, bà Nguyễn Thị H phải chịu 17.376.000^d (mười bảy triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nghiêm Đình K số tiền 6.535.500^d (sáu triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0020488 ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thoả thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Xuân Chiến

